

VAI TRÒ CỦA DU LỊCH SINH THÁI VỚI GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT*

Du lịch sinh thái được xem là “chìa khóa” trong cuộc chiến chống đói nghèo, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Một trong những đặc trưng cơ bản, cũng là nguyên tắc và mục tiêu hướng tới của du lịch sinh thái đó là mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Việt Nam có tiềm năng phong phú phát triển du lịch sinh thái như hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên, thung lũng, ruộng bậc thang, cao nguyên, vùng hồ, miệt vườn, sông nước, hang động, hệ sinh thái vùng ven đô... Nhằm tăng cường vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo ở các tộc người thiểu số, bài viết đưa ra một số đề xuất về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch sinh thái trong cả nước; xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch sinh thái; đào tạo nguồn nhân lực là người dân địa phương để tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái.

Từ khóa: du lịch sinh thái, giảm nghèo, tộc người thiểu số

Nhận bài ngày: 25/7/2019; *đưa vào biên tập:* 27/7/2019; *phản biện:* 29/7/2019; *duyet dang:* 4/9/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái (Ecotourism) là loại hình du lịch bền vững, là sự kết hợp du lịch thiên nhiên có trách nhiệm, hỗ trợ các mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên và các giá trị văn hóa bản địa phát triển cộng đồng. Ngày 3/1/2013, Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hợp quốc (UNWTO), công nhận du lịch

sinh thái là “chìa khóa” trong cuộc chiến chống đói nghèo, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững (Tổng cục Du lịch, 2013).

Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong công tác giảm nghèo, tuy nhiên, nghèo trong nhóm tộc người thiểu số vẫn là thách thức lớn. Năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nhóm tộc người thiểu số là 35,7%; các tộc người thiểu số có tỷ lệ

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

hộ nghèo cao như La Hủ 84,9%; Hmông 82,9%; Chứt 72,3%; Bru-Vân Kiều 71,8%; Xtiêng 69,9%... (UNDP, Irish Aid, Ủy ban Dân tộc, 2017: 57). Đây mạnh giảm nghèo ở nhóm tộc người thiểu số là vấn đề Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng. Thời gian qua, du lịch sinh thái ở Việt Nam đã triển khai ở nhiều địa phương. Những nơi có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái như Sa Pa (Vườn Quốc gia Hoàng Liên), Bản Pác Ngòi (Vườn Quốc gia Ba Bể), bản Khanh (Vườn Quốc gia Cúc Phương), bản A Đon (Vườn Quốc gia Bạch Mã), xã Tà Lài và xã Đăk Lua (Vườn Quốc gia Cát Tiên)... là những khu vực có đông tộc người thiểu số. Du lịch sinh thái có vai trò quan trọng góp phần giảm nghèo, nâng cao đời sống một bộ phận tộc người thiểu số.

Từ nghiên cứu lý luận về vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo và thực tiễn giảm nghèo ở tộc người thiểu số thông qua du lịch sinh thái, bài viết sẽ đề xuất một số định hướng giải pháp tăng cường vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo ở các tộc người thiểu số.

2. KHÁI NIỆM DU LỊCH SINH THÁI VÀ ĐỐI NGHEO

- *Khái niệm du lịch sinh thái*

Năm 1991, Hiệp hội Du lịch sinh thái Quốc tế (The International Ecotourism Society - TIES) - tổ chức du lịch sinh thái quốc tế đầu tiên, đưa ra định nghĩa về du lịch sinh thái ngắn gọn nhưng tương đối bao quát và trở nên khá phổ biến: “Du lịch sinh thái là du lịch có

trách nhiệm đến các khu vực tự nhiên, kết hợp với bảo vệ môi trường và cải thiện phúc lợi xã hội cho người dân địa phương” (dẫn theo Megan Epler Wood, 2002: 9). Hiệp hội Du lịch sinh thái của Hoa Kỳ năm 1998 định nghĩa: “Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có trách nhiệm tới những khu vực tự nhiên, hiểu biết về lịch sử văn hóa và lịch sử tự nhiên của môi trường, được sử dụng để bảo vệ môi trường, cải thiện phúc lợi xã hội và kinh tế cho người dân địa phương” (dẫn theo Lê Huy Bá, 2009: 83).

Ở Việt Nam, tháng 9/1999, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã phối hợp với Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (IUCN) và Ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức hội thảo quốc tế về xây dựng khung chiến lược phát triển du lịch sinh thái. Hội thảo đưa ra định nghĩa: “Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương” (dẫn theo Lê Văn Minh, 2016). Về mặt pháp lý, theo *Luật Du lịch*, tại Điều 4, Chương I: “Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững” (Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2005: 10).

- *Quan niệm về đối nghèo*

Theo Ngân hàng Thế giới, đối nghèo là tình trạng “không có khả năng để

đạt được mức sống tối thiểu, được đo bằng nhu cầu tiêu dùng cơ bản hoặc thu nhập cá nhân cần thiết để thỏa mãn các nhu cầu đó” (dẫn theo Nguyễn Anh Cường, Phạm Quốc Thành, 2014: 43). Từ khái niệm đói nghèo, đặc điểm và nguyên nhân đói nghèo được phát hiện trong các nghiên cứu, cho thấy người nghèo không chỉ nghèo tiền mà còn nghèo nhiều thứ khác, như: nghèo vốn con người, nghèo vốn xã hội, thiếu sự giúp đỡ của mạng lưới an sinh xã hội...; đồng thời, là những người sống trong điều kiện thiếu thốn các nhu cầu cơ bản về: ăn, mặc, học tập, đi lại, chăm sóc sức khỏe, môi trường... (Phan Quốc Anh, Nguyễn Thị Yên, 1994).

Việt Nam thừa nhận định nghĩa chung về đói nghèo của Hội nghị Chống đói nghèo khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, do ESCAP tổ chức tháng 9/1993 tại Bangkok (Thái Lan), đói nghèo “là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương” (Thủ tướng Chính phủ, 2003: 17). Đói được hiểu là tình trạng một bộ phận dân cư nghèo sống dưới mức tối thiểu và thu nhập không đủ đảm bảo nhu cầu về vật chất để duy trì cuộc sống (Giàng Thị Dung, 2014: 32).

Mặc dù có những quan niệm khác nhau về đói nghèo, nhưng nhìn chung

các quan niệm đó đều được phản ánh trên các khía cạnh không có hoặc ít được hưởng thụ những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu của con người; mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cư dân địa phương; thiếu hoặc không có cơ hội lựa chọn để tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng.

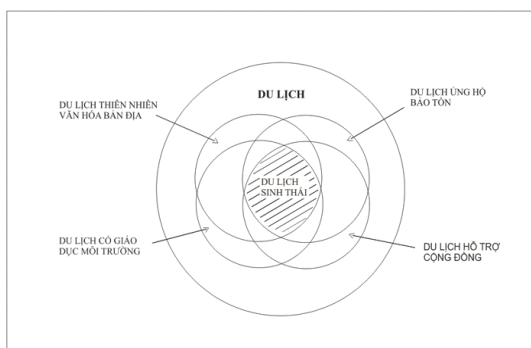
Ở Việt Nam, từ năm 2015 trở về trước, việc đo lường nghèo của quốc gia sử dụng phương pháp đo lường nghèo đơn chiều dựa vào mức thu nhập hoặc chi tiêu của cư dân. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế. Từ năm 2016, Việt Nam đã chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo sang tiếp cận nghèo đa chiều, áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 với 5 lĩnh vực theo 10 chỉ số đo lường, bao gồm 1) y tế (tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế); 2) giáo dục (trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em); 3) nhà ở (chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người); 4) điều kiện sống (nước sạch và vệ sinh) và 5) tiếp cận thông tin (sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin). Theo cách tiếp cận này, hộ được coi là nghèo đa chiều nếu thiếu hụt từ 3/10 chỉ số đo lường trở lên.

3. VAI TRÒ CỦA DU LỊCH SINH THÁI VỚI GIẢM NGHÈO

Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch bền vững có vai trò quan trọng đối với xóa đói giảm nghèo. Trong các khái niệm, định nghĩa về du lịch sinh thái đã hàm chứa một điều kiện quan

trọng đó là “mang lại lợi ích cho cộng đồng cư dân bản địa”, đó cũng là một trong những đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái⁽¹⁾. Trong nguyên tắc hoạt động của du lịch sinh thái⁽²⁾ cũng cho thấy vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo, đó là “tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương”, đây vừa là nguyên tắc, vừa là mục tiêu hướng tới của du lịch sinh thái. Sơ đồ cấu trúc của du lịch sinh thái cũng làm sáng tỏ hơn vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo, trong đó một phần không thể thiếu của du lịch sinh thái là “hỗ trợ cộng đồng”.

Sơ đồ 1. Sơ đồ cấu trúc du lịch sinh thái

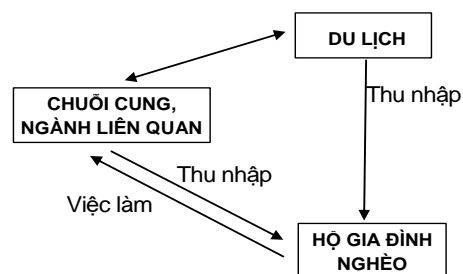


Nguồn: Phạm Trung Lương và các tác giả, 2002: 8.

Nếu như các loại hình du lịch khác ít quan tâm đến việc hỗ trợ cộng đồng, thì ngược lại du lịch sinh thái thu hút cả người dân địa phương tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch và người dân hưởng một phần lợi nhuận từ các hoạt động du lịch. Du lịch sinh thái còn dành một phần đáng kể lợi nhuận đóng góp vào việc cải thiện môi trường sống của cộng đồng địa phương (Phạm Trung Lương và các tác giả, 2002: 12).

Theo Anna Spenceley, Caroline Ashley và Melissa de Kock (2009: 20), du lịch tác động tới người nghèo ở ba khía cạnh: 1) tăng thêm thu nhập, 2) phát triển kinh tế địa phương/nông thôn và sinh kế của người dân và 3) tác động tới môi trường tự nhiên và văn hóa. Du lịch sinh thái phát triển tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho cộng đồng người dân địa phương. Người nghèo có thể tham gia các hoạt động trực tiếp hay gián tiếp trong du lịch để tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Sơ đồ 2. Sự tham gia trực tiếp và gián tiếp của người nghèo trong du lịch



Nguồn: Spenceley, Ashley, Melissa de Kock, 2009: 35.

Theo Sơ đồ 2, người dân địa phương có thể tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch sinh thái như làm hướng dẫn viên, chèo thuyền đưa du khách đi tham quan, đảm nhiệm chỗ nghỉ cho du khách, cung ứng các nhu cầu về thực phẩm, hàng lưu niệm cho du khách...; và tham gia các hoạt động gián tiếp, người nghèo làm việc trong các ngành cung ứng cho dịch vụ du lịch sinh thái, chẳng hạn: trồng và bán rau cho các nhà hàng, khách sạn; thêu, may chăn, drap cho các nhà nghỉ cộng đồng; xây dựng và trang trí khách sạn...

Hoạt động du lịch sinh thái phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, lĩnh vực liên quan, như việc khôi phục, bảo tồn, phát triển và tiêu thụ các sản phẩm thủ công truyền thống, các hoạt động văn hóa văn nghệ truyền thống... Thông qua việc tạo thêm việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, những nỗ lực trong bảo tồn và phát huy giá trị tự nhiên và văn hóa trong khu vực sẽ được phát huy bởi chính người dân địa phương. Người dân địa phương sẽ nhận thức được sự gắn kết hữu cơ giữa việc bảo tồn và cuộc sống của họ, chính họ sẽ là người chủ thực sự, người bảo vệ trung thành các giá trị tự nhiên và văn hóa nơi diễn ra hoạt động du lịch sinh thái. Các giá trị của tài nguyên du lịch sinh thái được bảo vệ và phát huy sẽ càng phát triển hoạt động du lịch sinh thái tại địa phương. Thông qua du lịch sinh thái, cơ sở hạ tầng và các điều kiện dịch vụ công cộng được quan tâm phát triển, do đó cải thiện điều kiện sống của người dân địa phương.

4. THỰC TIỄN GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ THÔNG QUA DU LỊCH SINH THÁI

Ở Việt Nam, từ năm 1975 đến năm 1980, Nhà nước chưa có điều kiện tổ chức hoạt động du lịch. Những năm sau đó, một số nơi đã chủ động đón tiếp du khách trong nước và một số ít du khách quốc tế. Từ những năm 1995 đến năm 1996, hoạt động du lịch sinh thái mới bắt đầu ở một số tỉnh, thành phố, như: TP HCM, thành phố

Huế, thủ đô Hà Nội, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nha Trang, Bình Thuận... (Thế Đạt, 2003: 124). Ban đầu, với một số bài báo khoa học về du lịch sinh thái được công bố từ giữa đến cuối những năm 1990, du lịch sinh thái bắt đầu được chú ý ở cấp độ quốc gia, với sự tham gia của Tổng cục Du lịch Việt Nam cùng nhiều tổ chức quốc tế tại Việt Nam như UNDP (United Nations Development Programme), UN-ESCAP/ESCAP (Economic and Social Commission for Asia and the Pacific), WWF (World Wide Fund) và IUCN (International Union for Conservation of Nature). Các hội thảo được tổ chức xoay quanh những vấn đề phát triển du lịch sinh thái, như: “Du lịch sinh thái với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam” (năm 1998), “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam” (năm 1999), “Phát triển du lịch sinh thái trong khu dự trữ sinh quyển: cơ hội và thách thức” (năm 2004)... là những dấu hiệu bước đầu cho thấy sự quan tâm rộng rãi hơn về phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam (Lê Thu Hương, 2016: 5).

Tuyên bố Huế về Du lịch văn hóa và xóa đói giảm nghèo tháng 6/2004 là dấu mốc của Việt Nam về quyết tâm xóa nghèo thông qua du lịch. Theo “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011, với mục tiêu “Phát triển du lịch nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, góp

phần giảm nghèo”, “Phát triển du lịch nhằm góp phần phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân” (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011: 19). Đồng thời “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22/01/2013, chỉ rõ “phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”, mục tiêu đã đặt ra, đến năm 2020 du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội; đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển, góp phần giải quyết các vấn đề, “về an sinh - xã hội: tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, góp phần giảm nghèo, đảm bảo an sinh và giải quyết các vấn đề xã hội” (Thủ tướng Chính phủ, 2013: 5).

Việt Nam có tiềm năng phong phú để phát triển du lịch sinh thái, theo quy hoạch đến năm 2020 cả nước có 176 khu rừng đặc dụng, bao gồm 34 vườn quốc gia, 58 khu bảo tồn thiên nhiên, 14 khu bảo tồn loài/sinh cảnh, 61 khu bảo vệ cảnh quan và 9 khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học (Thủ tướng Chính phủ, 2014); hệ cảnh quan thiên nhiên sông nước và miệt vườn ở Đồng bằng sông Cửu Long; thung lũng, ruộng bậc thang và cao nguyên ở miền núi phía Bắc; hang động, vùng hồ (các hồ tự nhiên và hồ thủy điện); sinh thái vùng ven đô...

Tuy nhiên, công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản và quy hoạch phát triển du lịch sinh thái còn nhiều hạn chế (Vũ Thị Thoa và Đỗ Việt Dũng, 2013; Lê Văn Minh, 2016). Thời gian qua, du lịch sinh thái đã phát triển ở nhiều địa phương nhưng nhìn chung chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

Theo báo cáo kiểm tra hoạt động du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên năm 2017 của Tổng cục Lâm nghiệp, trong số 176 khu rừng đặc dụng hiện có, có 61 khu đã tổ chức kinh doanh hoạt động du lịch sinh thái (bao gồm 25 vườn quốc gia và 36 khu bảo tồn thiên nhiên). Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên đạt trên 114 tỷ đồng, tăng 48% so với năm 2015 (77,3 tỷ đồng); nộp ngân sách Nhà nước 32 tỷ đồng (Văn Hào, 2018). Những đóng góp của du lịch sinh thái với giảm nghèo và cải thiện đời sống cho một bộ phận tộc người thiểu số như ở huyện Sa Pa (Lào Cai) - nơi sinh sống của các tộc người thiểu số Hmông, Dao Đỏ, Xa Phó, Hà Nhì, Tày, Giáy... Hoạt động du lịch sinh thái ở Sa Pa phát triển đem lại nguồn thu nhập quan trọng cho các hộ tộc người thiểu số nơi đây. Theo thống kê, các điểm du lịch ở Sa Pa có tốc độ xóa đói giảm nghèo nhanh gấp 3 lần so với các thôn, bản không làm du lịch, nguồn thu của các hộ làm dịch vụ du lịch cũng cao gấp từ 5 lần so với các hộ khác, đạt từ 25 đến 60 triệu đồng/hộ/năm (Khánh Trang, 2018).

Người Hmông tham gia vào một số hoạt động du lịch như dẫn đường, hướng dẫn tham quan, khâu vác hành lý, xe ôm, cung cấp dịch vụ lưu trú homestay, cung cấp lương thực, thực phẩm, biểu diễn văn nghệ, sản xuất và bán hàng lưu niệm...; đặc biệt, người Dao Đỏ có dịch vụ tắm lá thuốc núi rừng Hoàng Liên được du khách ưa thích. Bản Cát Cát có 112/360 người tham gia hoạt động du lịch (tỷ lệ 31,2% dân số); bản Lý Lao Chải có 102/516 người (tỷ lệ 19,8% dân số; của 22 hộ trong tổng số 28 hộ trong bản) tham gia các hoạt động du lịch... Toàn huyện Sa Pa có 154 cơ sở homestay, tập trung ở các xã Tả Van, Lao Chải, Bản Hồ, Tả Phìn... đem lại nguồn thu hàng chục tỷ đồng mỗi năm cho cộng đồng. Như xã Tả Van, hiện có hơn 40 hộ (28,6% số hộ trong xã) làm homestay, mỗi nhà có sức chứa 10 - 20 người, trung bình vào mùa cao điểm phục vụ từ 200 - 300 khách/ngày, giá lưu trú dao động từ 100 - 150 nghìn đồng/đêm... Một số ngành nghề truyền thống của các tộc người thiểu số được khôi phục và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa như nghề thêu dệt thổ cẩm và làm đồ chạm khắc bạc của người Hmông, nghề thuốc nam của người Dao Đỏ. Thông qua trao đổi hàng hóa, giao dịch với du khách, khả năng nắm bắt nhu cầu, giá cả thị trường của các tộc người thiểu số dần được nâng lên (Quốc Hồng, 2017).

Cao nguyên đá Đồng Văn trải rộng trên bốn huyện Mèo Vạc, Đồng Văn,

Yên Minh và Quản Bạ (Hà Giang), nơi cư trú của người Hmông, Lô Lô, Cờ Lao, Pu Péo, Bó Y, Giáy... Từ năm 2015, tỉnh Hà Giang đã tập trung phát triển du lịch tại Cao nguyên đá với việc phát triển và mở rộng diện tích trồng cây hoa tam giác mạch. Mùa lễ hội hoa tam giác mạch (tháng 10 đến tháng 12) hàng năm đem lại thu nhập cao cho hàng nghìn hộ dân tại đây. Thu nhập từ hoạt động vui chơi và chụp hình của du khách ở vườn hoa tam giác mạch là 10 - 15 nghìn đồng/du khách, những ngày có số lượng du khách lớn, mỗi vườn hoa Tam giác mạch thu về từ 1,5 - 2 triệu đồng/ngày. Nhờ đẩy mạnh phát triển du lịch đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo cho các tộc người thiểu số ở khu vực Cao nguyên đá Đồng Văn (Phạm Văn Phú, 2019).

Huyện Tịnh Biên là địa bàn du lịch trọng điểm của tỉnh An Giang với nhiều điểm du lịch hấp dẫn, đặc biệt là du lịch sinh thái ở Núi Cấm và rừng tràm Trà Sư. Ở Tịnh Biên, dân số người Khmer chỉ đứng sau người Kinh. Bước đầu, người Khmer ở đây đã tham gia vào các hoạt động du lịch như kinh doanh dịch vụ ăn uống, chèo thuyền đưa khách tham quan, bán hàng đặc sản địa phương, lưu trú homestay... Thổ cẩm của làng dệt Văn Giáo không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn được xuất khẩu sang nhiều quốc gia như: Mỹ, Australia, Pháp, Thái Lan, Campuchia với thương hiệu "Silk Khmer" nên được đầu tư, phát triển thành mặt hàng lưu niệm đặc

trưng của vùng đất Tịnh Biên. Tham gia vào hoạt động du lịch giúp đồng bào Khmer tăng thu nhập, bảo tồn làng nghề truyền thống của dân tộc và góp phần đa dạng sản phẩm du lịch của địa phương (Đào Ngọc Cảnh, Nguyễn Thị Mỹ Duyên, 2019).

Xã Tà Lài (Tân Phú, Đồng Nai) có 1.825 hộ, 7.172 nhân khẩu, trong đó 39% là tộc người thiểu số (chủ yếu là người Mạ, Xtiêng và Tày). Các tộc người thiểu số ở khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên nói chung và xã Tà Lài nói riêng vốn là cư dân nghèo. Kết quả khảo sát năm 2001 ở khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên⁽³⁾, có trên 60,2% cư dân sống dưới ngưỡng nghèo, sau tác động của trận lũ vào tháng 10/2000, tỷ lệ nghèo ở các tộc người thiểu số bản địa (Mạ và Xtiêng) lên tới 80,7% và các tộc người thiểu số khác (Tày, Nùng...) là 77,6% (Tôn Tú Anh và các tác giả, 2003: 109). Trước năm 1996, ở xã Tà Lài chưa hộ gia đình nào có điện lưới quốc gia. Sau những nỗ lực của Đảng, Nhà nước và các tổ chức cho công tác giảm nghèo, trong đó chú trọng phát triển sinh kế gắn với hoạt động du lịch sinh thái, đời sống của các tộc người thiểu số ở xã Tà Lài đã có những thay đổi sâu sắc. Năm 2015, xã Tà Lài hộ nghèo còn 313 hộ (tỷ lệ 18,3% số hộ toàn xã) và hộ cận nghèo là 170 hộ (tỷ lệ 9,9% số hộ toàn xã); riêng tỷ lệ hộ nghèo ở người Mạ và Xtiêng (ấp 4) xấp xỉ 30% và người Tày (ấp 7) là 20% số hộ ở từng tộc người thiểu số (Ủy ban Nhân dân xã Tà Lài, 2015).

Năm 2011, Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (WWF) đã tài trợ xây dựng Nhà đón tiếp khách du lịch Tà Lài tại ấp 4 có sức chứa 30 người để giúp cộng đồng các tộc người thiểu số ở Tà Lài tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái ở khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên. Dự án đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho một bộ phận người Mạ, Xtiêng và Tày về kỹ năng phục vụ du lịch, như: biểu diễn công chiêng, múa hát dân tộc, hướng dẫn, phục vụ buồng, nấu ăn; tổ chức các đợt tham quan, học tập ở Khu Du lịch thác Đam Bri và Khu Du lịch sinh thái Núi Voi (tỉnh Lâm Đồng); tham gia hội chợ hàng dệt thổ cẩm ở Hà Nội; tổ chức các lớp nâng cao nhận thức và năng lực cho các tộc người thiểu số tham gia hoạt động du lịch... Năm 2015, nhà cộng đồng đã đón tiếp 1.911 lượt khách tham quan (tăng 730 lượt so với cùng kỳ), trong đó, khách lưu trú có 672 người (Ủy ban Nhân dân xã Tà Lài, 2015). Theo nghiên cứu của chúng tôi (xem Nguyễn Thị Minh Nguyệt, 2016), hoạt động du lịch đã đem lại thu nhập cho người dân trong cộng đồng, cụ thể:

- *Tổ Hợp tác du lịch Tà Lài*: mỗi khách lưu trú thu được 150.000đ/ngày, trẻ em mức thu bằng 50% người lớn, tổng số tiền thu được đến năm 2015 là trên 40 triệu đồng. Tổ hợp tác đã đầu tư mua sắm toàn bộ thùng rác công cộng đặt trong ấp 4 để đảm bảo vệ sinh môi trường, đầu tư xây dựng thêm một nhà dài 10m, tổng số vốn khoảng 25 triệu đồng (theo phương

thức đồng chi trả với công ty kinh doanh du lịch là 50% - 50%), để tăng khả năng phục vụ khách lưu trú, dự kiến hoàn thành vào giữa tháng 7/2016. Số tiền còn lại sẽ cho đồng bào vay vốn để phát triển sản xuất (PVS. K Yếu, 2016).

- *Đội công chiêng*: với 2 đội công chiêng, mỗi đội có 6 người, mức thù lao là 100.000đ/người/đêm diễn.

- *Nhân viên Tổ Hợp tác du lịch Tà Lài*: công ty du lịch chi trả lương, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho nhân viên.

- *Khôi phục nghề dệt thủ công truyền thống*: khi hoạt động du lịch sinh thái ở xã Tà Lài phát triển, Tổ Dệt thổ cẩm Tà Lài được thành lập và ngày càng phát triển, đã tạo việc làm cho hơn 50 phụ nữ người Mạ. Sản phẩm sản xuất ra phục vụ du khách và theo đơn đặt hàng. Tháng 6/2016, Nhà tiếp đón khách du lịch Tà Lài đặt hàng 30 bộ

khăn ăn (gồm khăn kê chén, dĩa; khăn bọc, hộp đựng giấy ăn). Các sản phẩm dệt thủ công truyền thống sản xuất ra được bán tại thời điểm 2016 với mức giá như sau: mền 3 - 3,5 triệu/tám; xà rộng 500.000đ/cái; váy, áo nữ 650.000đ/bộ; áo nam 150.000đ/ cái; ví nam 30.000đ/cái; ví nữ 40.000đ/ cái; khăn 200.000đ/cái; dây đeo tay 30.000đ/cái; túi rút: 35.000đ/cái; băng đô đội đầu 45.000đ/cái. Ước tính thu nhập trung bình của hộ từ nghề thủ công truyền thống, mà chủ yếu là nghề dệt là khoảng 2 triệu đồng/năm, hộ có thu nhập cao nhất là 6 triệu đồng và thấp nhất là 200 nghìn đồng (Nguyễn Thị Minh Nguyệt, 2016: 86).

Hoạt động du lịch tại xã Tà Lài không chỉ tạo ra thu nhập ổn định, mà đồng bào còn được trang bị kiến thức, kỹ năng trong hoạt động du lịch, giúp đồng bào hiểu biết thêm, tự tin hơn để tham gia vào hoạt động du lịch, góp

Bảng 1. Công việc và mức lương hàng tháng của nhân viên Tổ Hợp tác du lịch Tà Lài

STT	Họ và tên	Tộc người	Vị trí làm việc	Mức lương (đ/tháng)
1	K Yếu	Mạ	Tổ trưởng	4.000.000
2	K Éch	Mạ	Bảo vệ	2.400.000
3	Điểu Nê	Stiêng	Bảo vệ	2.400.000
4	Ka Bản	Mạ	Tạp vụ	3.000.000
5	Triệu Thị Tái	Tày	Đầu bếp	3.600.000
6	Lý Thị Bướm	Tày	Đầu bếp	3.600.000
7	Lý Thị Thanh	Tày	Tổ trưởng bếp ăn	3.600.000
8	Lý Văn Tình	Tày	Phụ trách các hoạt động: đạp xe, chèo thuyền...	3.600.000
9	Lý Thị Tâm	Tày	Đầu bếp	3.600.000
10	Ka Hương	Mạ	Hướng dẫn tiếng Anh	Trả lương khi hướng dẫn cho du khách nước ngoài

Nguồn: K Yếu, Tổ trưởng Tổ Hợp tác du lịch Tà Lài, phỏng vấn ngày 28/6/2016.

phần bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống.

Vệ sinh môi trường, hệ thống thông tin liên lạc và đường giao thông trong xã được cải thiện đáng kể, đặc biệt cầu bê tông kiên cố bắc qua sông Đòng Nai kết nối 4 nơi người Mạ và người Xtiêng sinh sống với bên ngoài, được xây dựng năm 2018 thay thế cho cầu tạm, phà.

5. KẾT LUẬN

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn cho thấy du lịch sinh thái có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng cư dân địa phương, góp phần giảm nghèo. Việt Nam có tiềm năng phong phú để phát triển du lịch sinh thái, tuy nhiên, phát triển du lịch sinh thái hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng. Thực tiễn cho thấy, du lịch sinh thái đã có những đóng góp nhất định cho giảm nghèo và cải thiện đời sống ở một bộ phận các tộc người thiểu số.

Nhằm tăng cường vai trò của du lịch sinh thái với giảm nghèo, một số đề

xuất được đưa ra như sau:

- Nghiên cứu, điều tra cơ bản và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch sinh thái trong phạm vi cả nước;
- Xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch sinh thái. Để phát triển du lịch sinh thái, ngoài yếu tố tài nguyên du lịch sinh thái và sự tham gia của cộng đồng, cần phải đảm bảo đầu tư các điều kiện về cơ sở hạ tầng như giao thông vận tải, thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường...; và các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch sinh thái.
- Xây dựng chính sách, kế hoạch dài hạn đào tạo nguồn nhân lực là người dân địa phương để tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái. Mục tiêu chính của du lịch sinh thái là tạo việc làm, chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương thông qua các nguồn thu từ hoạt động du lịch, từ đó giúp người dân giảm nghèo bền vững. Vì vậy, đào tạo và hướng dẫn người dân địa phương tham gia vào các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái là hết sức cần thiết. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Từ những định nghĩa về du lịch sinh thái, cho thấy du lịch sinh thái có một số đặc trưng cơ bản (Phạm Trung Lương và các tác giả, 2002: 7) như sau:

- Dựa vào thiên nhiên và các nền văn hóa bản địa.
- Chú trọng vào sự nâng cấp và duy trì thiên nhiên, quản lý tài nguyên bền vững.
- Hỗ trợ cho công tác bảo tồn thiên nhiên.
- Mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.
- Nâng cao hiểu biết của du khách về môi trường thiên nhiên và văn hóa bản địa.
- Đảm bảo cho nhu cầu thưởng thức của thế hệ mai sau không bị ảnh hưởng bởi du khách hôm nay.

⁽²⁾ Hoạt động du lịch sinh thái cần tuân theo một số nguyên tắc sau đây (Phạm Trung Lương và các tác giả, 2002: 19-21):

- Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn.
- Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái.
- Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa.
- Tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

⁽³⁾ Khảo sát 300 hộ vào tháng 7/2001 về thu nhập của hộ trong 12 tháng trước cuộc khảo sát, ở các xã Tà Lài (Đồng Nai), Đăng Hà (Bình Phước) và Phước Cát 2 (Lâm Đồng).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 2011. *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội.
2. Đào Ngọc Cảnh, Nguyễn Thị Mỹ Duyên. 2019. “Sản phẩm du lịch đặc thù dựa vào cộng đồng người Khmer ở An Giang”, <http://www.vtr.org.vn/san-pham-du-lich-dac-thu-dua-vao-cong-dong-nguoi-khmer-o-an-giang.html>, truy cập ngày 20/6/2019.
3. Fennell, D.A. 2001. “A Content Analysis of Ecotourism Definitions”. *Current Issues in Tourism*, Vol 4, No 5, pp. 403 - 421.
4. Giàng Thị Dung. 2014. *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
5. ILO. 2012. “Bộ công cụ hướng dẫn giảm nghèo thông qua du lịch”, bản dịch tiếng Việt của Dự án *Chương trình phát triển năng lực du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội*.
6. Khánh Trang. 2018. *Du lịch cộng đồng: sinh kế mới cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/27078>, truy cập ngày 20/7/2019.
7. Lê Huy Bá. 2009. *Du lịch sinh thái*. Hà Nội: Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.
8. Lê Thu Hương. 2016. *Cơ sở địa lý học phục vụ phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng vùng Đông Bắc Việt Nam*. Tóm tắt Luận án Tiến sĩ, ngành Địa lý Tài nguyên môi trường. Học viện Khoa học và Công nghệ.
9. Lê Văn Minh. 2016. “Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam”. *Tạp chí Môi trường*, số 6, <http://tapchimoitruong.vn/pages/article.aspx?item=Ti%E1%BB%81m-n%C4%83ng-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n-du-l%E1%BB%8Bch-sinh-th%C3%A1i-t%E1%BA%A1i-Vi%E1%BB%87t-Nam--41505>, truy cập ngày 20/4/2019.
10. Nguyễn Anh Cường, Phạm Quốc Thành. 2014. “Xóa đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng xã hội ở Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9 (82): 43-52.
11. Nguyễn Thị Minh Nguyệt. 2016. *Sinh kế bền vững của các tộc người thiểu số ở khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên với yêu cầu bảo tồn và phát triển bền vững*. Báo cáo đề tài cấp Bộ 2015 - 2016. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
12. Phạm Trung Lương (chủ biên) và các tác giả. 2002. *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
13. Phạm Văn Phú. 2019. “Hà Giang: phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo”, <http://laodongxahoi.net/ha-giang-phat-trien-du-lich-gop-phan-xoa-doi-giam-ngheo-1311>

921.html, truy cập ngày 20/6/2019.

14. Phan Quốc Anh, Nguyễn Thị Yên. 1994. “Chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em trong mối quan hệ với xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam”, Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển, Cairo.

15. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2005. *Luật Du lịch*, Số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005.

16. Quốc Hồng. 2017. “Du lịch cộng đồng ở Sa Pa”, <https://www.nhandan.com.vn/vanhua/item/33143702-du-lich-cong-dong-o-sa-pa.html>, truy cập ngày 10/6/2019.

17. Spenceley, Anna; Ashley, Caroline và Kock, Melissa de. 2009. *Chương trình xóa đói giảm nghèo bằng du lịch: Hợp phần đào tạo cơ bản*. Giơ-ne-vơ, Trung tâm Thương mại Thế giới.

18. Thế Đạt. 2003. *Du lịch và du lịch sinh thái*. Hà Nội: Nxb. Lao động

19. Thủ tướng Chính phủ. 2003. “Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo”. Hà Nội.

20. Thủ tướng Chính phủ. 2013. *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ngày 22/1/2013. Hà Nội.

21. Thủ tướng Chính phủ. 2014. *Quyết định Phê duyệt Quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2014. Hà Nội.

22. Tôn Tú Anh và các tác giả. 2003. *Các yếu tố kinh tế - xã hội của các cộng đồng cư dân khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên ảnh hưởng đến vấn đề bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững*. Báo cáo đề án. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

23. Tổng cục Du lịch. 2013. “Đại hội đồng Liên hiệp quốc: du lịch sinh thái là ‘chìa khóa’ để xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường”, <http://www.vietnamtourism.com/index.php/news/items/8651>, truy cập ngày 10/12/2014.

24. Tổng cục Du lịch. 2017. “Du lịch thế giới tiếp tục tăng trưởng bền vững”, <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/23687>, truy cập ngày 10/6/2019.

25. UNDP, Irish Aid, Ủy ban Dân tộc. 2017. *Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số*. Báo cáo dự án, Hà Nội.

26. Ủy ban Nhân dân xã Tà Lài. 2015. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015, phương hướng công tác năm 2016*. Tà Lài.

27. Văn Hào. 2018. “Du lịch sinh thái bền vững: loại hình du lịch của tương lai”, <https://dantocmiennui.vn/du-lich/du-lich-sinh-thai-ben-vung-bai-1-loai-hinh-du-lich-cua-tuong-lai/178862.html>, ngày 13/8/2018, truy cập ngày 10/8/2019.

28. Vũ Thị Thoa và Đỗ Việt Dũng. 2013. *Phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam*, <http://www.vtr.org.vn/index.php?options=items&code>, truy cập ngày 30/12/2013.

29. Wood, Megan Epler. 2002. *Ecotourism: Principles, Practices and Policies for Sustainability*, United Nations Publication.